

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:344/2021/DS-ST

Ngày:08-12-2021

V/v tranh chấp “Tranh chấp Quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Minh

Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:399/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Tranh chấp Quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Nhật B, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

2/ Chị Lê Thị V, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị Lê Thị T1, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PTA, xã PK, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

4/ Chị Lê Thùy P, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp ĐL, xã LBD, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Văn H-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Bà là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất 1688 tờ bản đồ số 1 (diện tích 1.245,7m²) tại ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Chồng bà là ông Lê Văn S, sinh năm 1944, mất năm 2014. Cha của ông S là ông Lê Văn B1, sinh năm 1908, chết năm 1953, mẹ của ông S là bà Trần Thị L, sinh năm 1908, chết năm 1995. Bà và ông S chung sống với nhau vào năm 1975, có các con là Lê Nhật B, Lê Thị V, Lê Thị T1, Lê Thùy P. Ngoài ra, vợ chồng bà không có con nuôi con ngoài giá thú nào khác.

Ngày 21/4/2015, bà có hiến một phần diện tích 173m² thuộc thửa 1688 để làm đường giao thông công cộng. Vào năm 2007-2008, chồng bà có trồng 04 cây tràm bông vàng nay đã lớn (đường kính khoảng 40cm), trị giá 04 cây ước lượng khoảng 3.000.000 đồng trên phần đất bà đã hiến làm đường giao thông. Khi bà định khai thác làm củi nấu ăn thì bị ông Nguyễn Văn M (người chủ sử dụng đất liền kề) đứng ra tranh chấp không cho bà đốn và cho rằng đó là tài sản của ông. Ngày 16/10/2020, Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa có mời hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn M không đến dự. Bà không nghe ông S kể lại việc mua bán 04 cây tràm bông vàng này nên bà xác định là không có việc mua bán giữa ông S và ông M.

Trường hợp Ủy ban nhân dân xã đốn 04 cây tràm bông vàng để làm đường giao thông giao thông thì bà đồng ý cho Ủy ban nhân dân xã đốn 04 cây tràm bông vàng và giao 04 cây tràm bông vàng này cho bà sử dụng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Xác định 04 cây tràm bông vàng đang tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà.
- Buộc ông Nguyễn Văn M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà.

Bị đơn trình bày:

Ông M thống nhất ông S có vợ là bà T và 04 người con như bà T trình bày. Ông thống nhất về nguồn gốc 04 cây tràm bông vàng là do ông S (chồng bà T) trồng trên phần diện tích đất của bà T đã hiến cho Nhà nước làm đường giao thông.

Đối với yêu cầu bắt buộc ông chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T thì ông không đồng ý cho bà T đốn 04 cây tràm bông vàng lý do là 04 cây tràm này khi ông mua đất ông đã mua lại từ ông S (chồng bà T, hiện tại ông S đã mất) với giá 400.000 đồng mua vào năm 2011-

2012, có người bạn của ông S chứng kiến nhưng không rõ họ tên địa chỉ, khi mua chỉ nói miệng tôi không có giấy tờ gì, không có ai làm chứng.

Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 04 cây trăm bông vàng, ông sẽ bồi thường giá trị 04 cây trăm bông vàng cho bà T là 1.000.000 đồng, ông được quyền sở hữu 04 cây trăm bông vàng này. Trường hợp Ủy ban xã có nhu cầu đón 04 cây trăm bông vàng thì ông đồng ý việc đón của Ủy ban nhân dân xã, ông được nhận 04 cây trăm bông vàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa: có văn bản xin vắng mặt, giữ ý kiến như biên bản xác minh của Tòa án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Nhật B, chị Lê Thị V, chị Lê Thùy P, chị Lê Thị T1 trình bày:

Trước năm 2010, cha mẹ anh chị có hiến 173m² đất để sử dụng làm đường công cộng, trước đó cha mẹ anh chị có trồng một số cây trăm bông vàng trên bờ kè giữa đường lộ và con sông.

Khoảng năm 2011, cha anh chị là ông Lê Văn S sinh năm 1944 (mất năm 2014) sang nhượng cho ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 phần đất đối diện đường lộ và bờ cây nhưng không bao gồm phần hiến tặng Ủy ban và bờ cây là do cha mẹ anh chị trồng.

Nay mẹ anh chị là bà T muốn sử dụng số cây trên cho mục đích riêng thì ông M lại tranh chấp cản trở cho rằng đã mua lại từ cha anh chị là ông S nhưng bà T và các anh chị, đều không biết. Ông M không có giấy tờ gì chứng minh số cây trên là của ông.

Nên các anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T: Xác định 04 cây trăm bông vàng đang tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà T. Buộc ông Nguyễn Văn M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Xác định 04 cây trăm bông vàng đang tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà T.

- Buộc ông Nguyễn Văn M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa- Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Văn H- Chủ tịch xã, anh Lê Nhật B, chị Lê Thị V, chị Lê Thùy P, chị Lê Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định 04 cây tràm bông vàng đang tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà T. Buộc ông Nguyễn Văn M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Quyền sở hữu tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nguồn gốc 04 cây tràm bông vàng do ông S trồng, trên phần đất bà T đã hiến để làm đường giao thông diện tích 173m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 599483 thửa đất số 1688, tờ bản đồ số 1, diện tích 1245,7m² loại đất cây lâu năm. Ông S và bà T là vợ chồng sống chung với nhau vào năm 1975, nên xác định 04 cây tràm bông vàng là tài sản hợp pháp của ông S và bà T. Tuy nhiên, vào năm 2014 ông S mất, ông S có cha mẹ là ông Lê Văn B1 và bà Trần Thị L đã mất trước ông S nên người thừa kế thứ nhất của ông S gồm bà T và các con là anh Lê Nhật B, chị Lê Thị V, chị Lê Thùy P, chị Lê Thị T1. Bà T và các con của ông S và bà T đều yêu cầu xác định 04 cây tràm bông vàng là tài sản hợp pháp của bà T, Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa có ý kiến: 04 cây tràm bông vàng trên phần đất hiến làm đường giao thông thì thuộc sở hữu của người trồng (BL45). Như vậy, bà T yêu cầu xác định 04 cây tràm bông vàng là tài sản hợp pháp của bà là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc ông M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T đối với 04 cây tràm bông vàng thì ông M thừa nhận ông không cho bà T đốn 04 cây tràm bông vàng lý do là 04 cây tràm này khi ông mua đất, ông đã mua lại từ ông S (chồng bà T, hiện tại ông S đã mất) với giá 400.000 đồng mua vào năm 2011- 2012, có người bạn của ông S chứng kiến nhưng không rõ họ tên địa chỉ, khi mua chỉ nói miệng tôi không có giấy tờ gì, không có ai làm chứng nên Tòa án không có cơ sở để xác định 04 cây tràm bông vàng là tài sản hợp pháp của ông.

Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 04 cây tràm bông vàng, ông sẽ bồi thường giá trị 04 cây tràm bông vàng cho bà T là 1.000.000 đồng, ông được quyền sở hữu 04 cây tràm bông vàng này. Mặc dù theo biên bản định giá của Hội đồng định giá thì 04 cây tràm bông vàng có giá trị 312.000. đồng, ông M xin được quyền sở hữu 04 cây tràm bông vàng và bồi thường giá trị cây trồng là 1.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem

xét.

Tại Điều 186 Bộ luật dân sự quy định: “Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, chi phối tài sản của mình nhưng không được trái pháp luật...”.

Điều 190 Bộ luật dân sự quy định: “Chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo ý chí của mình nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng...”

Điều 194 Bộ luật dân sự quy định: “Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho,...tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản.”

Việc ông M có hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sở hữu 04 cây tràm bông vàng của bà T là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 185 Bộ luật dân sự “*việc chiếm hữu bị người khác xâm phạm thì người chiếm hữu có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi...hoặc yêu cầu Tòa án buộc người đó chấm dứt hành vi, khôi phục tình trạng ban đầu, trả lại tài sản và bồi thường thiệt hại*”. Bà T yêu cầu buộc ông M chấm dứt mọi hành vi cản trở trong việc sử dụng tài sản hợp pháp của bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà T yêu cầu xem xét chi phí tố tụng, yêu cầu ông M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 550.000đồng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà T không phải chịu chi phí này, ông M phải hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá đối với tài sản tranh chấp là 550.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 158, Điều 193 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 185, 186, Điều 190, Điều 194 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1. Xác định 04 cây tràm bông vàng là tài sản hợp pháp của bà T (theo biên bản định giá ngày 12/5/2021 thì 04 cây tràm bông vàng có đường kính gốc từ 20cm-30cm giá trị là 312.000 đồng).

Bà T được quyền sở hữu (quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt) đối với 04 cây tràm bông vàng.

2. Buộc ông M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sở hữu (quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt) của bà T đối với 04 cây tràm bông vàng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá đối với tài sản tranh chấp là 550.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên